

LÀNG DÂN TỘC GIÁY

SẢN - CHÁNG

DÂN tộc Giáy là một dân tộc thiểu số của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với số dân trên 35 vạn người cư trú thành các làng, bản ở Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang.

Dân tộc Giáy có những đặc điểm riêng về cư trú. Bước đầu tìm hiểu về nơi cư trú của dân tộc Giáy chúng tôi thấy có những vấn đề sau:

I TÊN GỌI

Với dân tộc Giáy, có một số từ dùng để gọi nơi cư trú như: "luống" (có thể hiểu đó là làng); bản (có thể hiểu đó là bản) "pướng" (có thể hiểu là vùng, miền). Ngoài ra, dân tộc Giáy cũng có nơi cư trú gọi là "Mường" (có thể hiểu đó là Mường).

Người Giáy gọi là "luống" hoặc "bản" đều không có tiêu chí hoặc qui định nào cả. Nhưng trên thực tế, những nơi được gọi là luống hoặc bản đều có những đặc điểm khác nhau, như: luống, địa thế ít bằng hơn, diện tích không rộng lắm, dân số vừa phải và có thể nằm trong một bản. còn bản, địa thế bằng phẳng, rộng, cư trú hàng trăm hộ, dân số đông và không nằm trong một cụm nào lớn hơn xã hoặc huyện.

Trong một bản có thể có luống cùn (làng trên) luống lá (làng dưới), luống chang (làng giữa), luống dẫu (làng trong), luống láo (làng lớn).v. v... còn

trong luống thì không có cách gọi nào khác nữa.

Vùng dân tộc Giáy, tên luống lại được phổ biến hơn. Gặp nhau người ta có thể hỏi nhau: ở luống nào? chứ ít khi hỏi: ở bản nào? Như vậy, luống mang ý nghĩa nơi cư trú cụ thể.

Khó có thể tìm được xuất xứ của tên gọi là luống hay bản, chỉ biết rằng đời nay qua đời khác đã gọi như vậy. Riêng luống lá, (làng dưới), luống cùn (làng trên), hay luống láo (làng lớn) luống cháu ná (làng đầu ruộng), luống ứn tà (làng bên kia suối) ... thì người ta căn cứ vào vị trí của luống đó; còn luống mỏ (làng mới), thì rõ ràng đó là một luống mới lập.

Ở các vùng cư trú của dân tộc Giáy hiện nay, cũng có nơi gọi là "Mường" (Mường), Tên này chỉ có dân tộc Tày mới gọi. Như vậy, có thể hiểu, nơi này trước khi có người Giáy cư trú thì đã có người Tày ở. Bởi trong ngôn ngữ dân tộc Giáy không có từ "Mường" mà từ Mường chỉ gắn với cư trú cụ thể, như: Mường Lừ (Bình Lữ), Mường Bo (Mường Bo). Mường San (Mường San)... Song trong ngôn ngữ dân tộc Giáy lại có từ "pướng". "Pướng" dân tộc Giáy dùng để chỉ, như: Pướng Mường Lừ (có thể hiểu vùng Mường Lừ (Bình Lữ), Pướng Tà Đình (vùng sông Hồng),

Puống Pạc Sạt (vùng Pạc Sạt- Bát Sát), Puống Cúi (vùng Cúi - Pháp), Puống Mỹ (vùng Mỹ), Puống Cheo (vùng Cheo - Việt), Puống Hạc (vùng Hạc - Hán), Puống Dao (vùng Dao - người Dao), Puống Táy (vùng Táy - Người Tày)... Như vậy, dân tộc Giáy không có khái niệm Nước - Quốc gia, mà chỉ có khái niệm "vùng" dân tộc" địa danh. Như vậy, dân tộc Giáy gọi địa danh cư trú theo ba từ với ba cấp độ khác nhau : luống, bán và puống (rộng lớn hơn cả).

II. LẬP LÀNG

Từ phần này trở đi, chúng tôi dùng từ làng (luống) cho phổ thông và dễ gọi. Làng dân tộc Giáy không chỉ là nơi cư trú, mà còn là nơi định cư, cho nên dân tộc Giáy chọn nơi lập làng và lập làng trên những yêu cầu sau đây :

1. *Nước.* Nước là yếu tố cần thiết của sự sống, nhưng riêng các dân tộc ít người ở miền núi, thì dân tộc Tày và dân tộc Giáy lại xác định đó là điều hàng đầu để cư trú sinh sống. Cho nên các làng người Tày, người Giáy rất hiếm sống ở trên cao hoặc lưng chừng núi, mà đa số cư trú ở thung lũng hoặc ven sông, suối.

Dân tộc Giáy cần nước, trước hết là nước ăn, thứ đến là nước trồng cây, chăn nuôi, tắm giặt và để có cá tôm làm thức ăn. Nước đối với người Giáy là nước tự nhiên, nước của đồi, của núi, của suối sông, nước chảy về tận nhà ở... Nếu do điều kiện nào đó mà làng lập ở nơi không gần nước, thì cả làng tập trung đắp đập, đào mương làm cọn nước hoặc bắc máng đưa nước về tận nơi ở, tận nơi cấy trồng.

2. *Cấy được lúa nước.* Dân tộc Giáy là cư trồng lúa nước, do đó nơi cư trú phải là nơi cấy được lúa nước. Người Giáy đã nói:

Sip bà rì tý bỏ dáy sỳ ná

(Mười miếng ruộng so không được góc ruộng).

hoặc khi chúc tụng vẫn hay dùng câu :

Háu rìm ná, pra rìm tình

(Lúa đầy ruộng, cá đầy ao).

Nơi người Giáy cư trú là nơi khai thác được ruộng nước. Mơ ước của người Giáy là : Ao cá, ruộng lúa (Tầm pra, ná hấu). Trước khi đến lập làng cư trú, người Giáy phải xem có nước ăn, nước trồng cây hay không ? tiếp đó là thể đất, chất đất có làm ruộng, cấy lúa được không ? Đó là hai yếu tố hàng đầu của một làng Giáy.

3. *Vị thế của làng.* Đây là yếu tố tinh thần, yếu tố tâm linh. Người Giáy dựng nhà có xem giờ, xem ngày, xem hướng, chôn người chết cũng vậy. Lập làng thì không xem, nhưng những ai đến ở trước đều có một cảm nhận bình yên, vững vàng, khoáng đạt của một nơi cư trú thì mới ở. Nếu quan sát kỹ các làng người Giáy ta cũng thấy đặc điểm sau : Trước hết là đất bằng hoặc thung lũng, nếu có dốc nơi ở thì trước làng có suối bọc vòng hoặc núi chắn ôm. Làng Giáy ít có làng đứng chơi vơi trên đỉnh hay sườn đồi ; hai là, đằng trước của làng luôn luôn được tạo một sự bao bọc của tự nhiên như cánh đồng rộng, hay dãy núi đồi chắn bọc hoặc con suối chảy ôm làng, và đằng sau làng là thế lưng dựa.

Vì thế, người Giáy không bao giờ lập làng ở giữa cánh đồng trống trải hoặc trên đỉnh đồi chơi vơi.

4. Nước và ruộng để cấy lúa nước là hai yếu tố hàng đầu để chọn lập làng, song thực tế hai yếu tố đó có thể không nhất thiết cùng một nơi cư trú đủ điều kiện như điểm 1 (nước) và điểm 3 (vị thế của làng), còn ruộng cấy lúa có thể ở xa một chút cũng được. Vì vậy mà người Giáy sinh ra lều nương, lều ruộng để nghỉ ngơi trong những ngày mùa và để chăn nuôi.

5. Làng người Giáy thường ở bãi bằng, thung lũng, ven suối hoặc sườn đồi nhưng sự nổi bật của làng Giáy là tập trung thành xóm, thành cụm đông đúc, nhà cửa san sát, thậm chí nhà chung vách và không bao giờ có đường riêng nhà nào, vì thế cũng không có cả cổng riêng nữa.

Làng, xóm, cụm dân cư của người Giáy đều có một con đường trục chính. Dọc con đường đó ta có thể rẽ vào được các xóm, cụm hoặc nhà mà ta muốn vào. Như vậy, làng nào cũng có đường chạy dọc làng, chứ không phải là qua giữa làng. Từ trục đường chung của huyện hay xã có đường rẽ vào làng. Tại điểm rẽ đó được coi là cổng làng, do đó, với những kiềng cấm của làng, người ta có ký hiệu đặt ngay tại đường rẽ ấy.

Với làng người Giáy, tất cả các nhà đều cùng quay về một hướng, ít khi có các nhà quay mặt ngược nhau.

III. QUAN HỆ LÀNG

Người kinh có câu : " Bán anh em xa mua láng giềng gần", người Giáy cũng

có câu : " Anh em ở xa, không bằng được anh em chân thang sớm tối ". Như vậy, quan hệ của làng dân tộc Giáy là quan hệ "anh em ", song đi sâu các mối quan hệ, chúng ta thấy có các dạng sau đây :

1. Quan hệ ruột thịt. Dân tộc Giáy coi bác trai, chú ; anh chị em cùng bố mẹ, anh chị em con bác trai, con chú của bên bố là ruột thịt trong số những người này, không được kết hôn với nhau và người này chết ở nhà người kia được.

Để nhận ra là người ruột thịt hay không, người Giáy căn cứ vào : 1. Họ (tên họ viết cùng một chữ - chữ nhỏ) ; 2. Tết lễ cúng tổ tiên ; 3. Quan người chết ở trong nhà ; 4. Những ngày kiêng cấm trong tháng và kiêng ăn thịt những con vật gì. Bốn yếu tố đó giống nhau, người ta nhận nhau là ruột thịt và sẽ không bao giờ cho kết hôn đồng thời người này có thể chết ở nhà kia được, mặc dầu mỗi người ở một nơi và trước đây chưa bao giờ được biết. Trong một cụm, một xóm, một làng, cư trú của người Giáy có mối quan hệ đó. Nhưng thực tế, trong một cụm, một xóm chưa hẳn đã có quan hệ ruột thịt, nhưng trong một làng, một bản thì quan hệ đó là tất yếu. Song, cũng có cụm, xóm lại hoàn toàn là ruột thịt, thậm chí cùng một bố mẹ sinh ra, nay chia thành nhiều nhà, hình thành cụm, xóm. Người Giáy có câu : " Mổ cửa thành nhiều nhà, đóng cửa là một nhà "

2. Quan hệ họ hàng. Họ hàng trong người Giáy bao gồm ruột thịt và bác gái, cô, gi, cậu, mợ, con cháu của những người đó và cả ruột thịt của con cháu

họ, nghĩa là gồm hai vé : Vé thứ nhất là ruột thịt của mình ; vé thứ hai bác gái, chồng bác gái, ruột thịt của chồng bác gái ; cô, chồng cô, ruột thịt của chồng cô, (về phía bố); bác trai, ruột thịt của họ ; bác gái, chồng của bác gái, ruột thịt của hai bác ; cậu, vợ của cậu, ruột thịt của cậu mợ, ; dì, chồng của dì, ruột thịt của dì chú, (về bên mẹ); và thông gia của những người đó. Đây là mối quan hệ rất chằng chịt được người Giáy xác định là họ hàng, cho nên người Giáy có câu: Rạc máy tìn, rạc hun ráy" (rẽ cây ngắn, rẽ người dài)

Về tình cảm, về thái độ xử sự trong quan hệ, trong cuộc sống hàng ngày không khác gì quan hệ ruột thịt mấy. Điều khác là: được kết hôn với nhau, nhưng không được chết ở nhà nhau.

3. Quan hệ hàng xóm, làng. Trong cùng một cụm, một xóm một làng hay một bản ngoài 2 quan hệ trên còn có quan hệ cùng nơi cư trú. Quan hệ này về mặt nguyên tắc thì không có gì ràng buộc như hai quan hệ trên, nhưng về tình cảm cộng đồng trong cuộc sống hàng ngày đều được xử sự như hai quan hệ trên, thậm chí có vấn đề còn dễ thông cảm và gắn bó hơn, bởi người ta phải "giữa ý", phải tạo một quan hệ hài hoà, gắn bó (bởi không có "nguyên tắc" gắn bó như hai quan hệ trên). Do đó mới có câu "Anh em ở xa, không bằng anh em chân thang sớm tối "hay" Bán anh em xa mua láng giềng gần" là vậy.

Quan hệ xóm, làng của dân tộc Giáy là một quan hệ đoàn kết, tương trợ, khác quan hệ ruột thịt, họ hàng. Quan hệ ruột thịt, họ hàng là quan hệ "nguyên tắc", quan hệ "bắt buộc", vì người Giáy có câu "Choi rười vít păn, pí nuồng rười vít bổ păn" (Sọt rách vát được, anh em rách không vát được), còn quan hệ xóm, làng là quan hệ "có đi có lại". Song "ràng buộc" của quan hệ xóm làng là : đạo làm người và lệ làng. Trong cuộc sống mỗi người đều mong muốn người ruột thịt của mình và bản thân mình được mọi người xung quanh, xóm làng quý trọng, gia đình hạnh phúc và luật lệ của làng ràng buộc, nhất là những hoạt động mang tính xã hội như lễ hội, phong tục tập quán, những quy ước về quan hệ xóm, làng của dân tộc Giáy vừa là quan hệ tự nguyện vừa là quan hệ bắt buộc, vừa có quan hệ mở và có quan hệ khép kín ... Quan hệ ruột thịt, quan hệ họ hàng và quan hệ xóm làng tạo thành một quan hệ đan xen chằng chịt, do đó tình làng, nghĩa xóm của dân tộc Giáy rất sâu đậm.

Trên đây là những khái quát sơ bộ về làng và quan hệ về làng của dân tộc Giáy. Có dịp, chúng tôi sẽ đi sâu hơn nữa về sức mạnh của quan hệ ấy cũng như những gì cần bổ sung, uốn nắn để tạo nên một quan hệ vững chắc, phù hợp hơn với sự phát triển của đất nước, của dân tộc Việt Nam.